

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Huỳnh Văn Minh;**

**2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa:** Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2021 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXX- DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn K, sinh năm: 1972; địa chỉ: Tổ 16, ấp AL, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 16, ấp AL, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang.

*(Tại phiên tòa có mặt ông K – bà Đ).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Phạm Văn K trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà Đ được hình thành là do tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2003, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã CL, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84 ngày 06/6/2016. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Đ không quan tâm đời sống chồng con, thường xuyên kiểm chuyện gây xung đột trong gia đình kể cả chuyện làm ăn hai bên không ngồi bàn bạc mà tự quyết định, nên gây cãi và ly thân nhau từ hơn 01 năm nay.

Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà Đ.

*Về quan hệ con chung:* Ông với bà Đ có 02 con chung tên: 1/ Phạm Minh Th, sinh ngày 01/8/2009; 2/ Phạm Minh T, sinh ngày 13/6/2004, hiện hai con chung do ông nuôi. Khi ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về quan hệ tài sản chung:* Ông với bà Đ không có tài sản chung.

*Về quan hệ nợ chung:* Ông với bà Đ không có nợ chung.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông K được hình thành đúng như ông K trình bày. Nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông K nặng về tài sản, tự cho rằng sống với bà không có hạnh phúc rồi bảo bà ra khỏi nhà, trong khi bà không có lỗi vì trong quan hệ hôn nhân với ông K. Hiện tại bà với ông K ly thân nhau hơn 01 năm nay, bà đang nuôi 02 con chung, nhưng hoàn cảnh của bà rất khó khăn, không có chỗ ở phải sống tạm đậu tại nhà em rể, mua bán nhỏ sống tạm qua ngày, nên bà mong muốn ông K hỗ trợ 01 phần tiền để có thể mua căn nhà nhỏ ra bên ngoài sống lo cho con, nếu ông K đồng ý hỗ trợ thì bà mới đồng ý ly hôn, còn ông K không đồng ý thì bà không đồng ý ly hôn, mặc dù bà xác định tình cảm giữa bà với ông K là không còn.

*Về quan hệ con chung:* Đúng là bà với ông K có 02 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như ông K trình bày, nhưng gần đây 02 con chung tự về chung sống với bà, nên nếu có ly hôn thì bà yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Thống nhất với trình bày của ông K.

Tại phiên tòa, ông K – bà Đ bảo lưu ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, nhưng về con chung và tài sản hai bên có thay đổi. Cụ thể: Khi ly hôn tùy quyết định về con chung, còn tài sản chung bà Đ khai gồm có 02 (hai) nền đất toạc lác tại khu gôm sừ, thuộc khóm 3, thị trấn TT và 6.000 con vịt, nay bà Đ có yêu cầu xem xét phần tài sản này.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

*Về tố tụng:* Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, về thủ tục tổng đạt chưa được đảm bảo.

*Về nội dung:* Ông K – bà Đ cùng xác định tình cảm giữa hai người thật sự không còn, nên ông K xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung hiện đã trên 07 tuổi, ý nguyện của hai cháu khi cha mẹ ly hôn được tiếp tục sống chung với mẹ, đề nghị HĐXX công nhận. Riêng tài sản chung, tại phiên tòa bà Đ khai có tài sản, thì đây là tình tiết mới phát sinh,

đề nghị HĐXX giải thích cho bà Đ biết được xem xét giải quyết thành vụ khác khi bà có yêu cầu. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông K khởi kiện: “tranh chấp ly hôn” với bà Đ, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Đ có địa chỉ cư trú tại xã CL, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông K – bà Đ kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2003, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84 ngày 06/6/2016, được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông K bảo lưu ý kiến của mình, do bà Đ không quan tâm đời sống chồng con, thường xuyên kiểm chuyện gây xung đột trong gia đình kể cả chuyện làm ăn hai bên không ngồi bàn bạc mà tự quyết định..., bà Đ thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, nhưng bà vẫn không đồng ý ly hôn, theo đó HĐXX xét thấy:

Tại các biên bản xác minh cùng ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa ông K – bà Đ đã thật sự mâu thuẫn gần 02 năm nay, do hai người làm ăn thua lỗ, vợ chồng lớn tiếng cãi vã nhau và bà Đ về sinh sống cùng cha mẹ ly thân với ông K, hai bên gia đình hàn gắn nhưng cả hai không có thiện chí chung sống lại, khả năng đoàn tụ là không thể...

Với những chứng cứ thu thập đối chiếu với trình bày hai bên tại tòa, xét mâu thuẫn giữa ông K – bà Đ đã thật sự trầm trọng; đời sống chung là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Kim.

Riêng đối với bà Đ, tại giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Đ không đồng ý ly hôn, nhưng chính bà Đ cũng thừa nhận rằng tình cảm giữa bà với ông K là không còn, bà đồng ý ly hôn với điều kiện ông K chia cho bà 01 phần tài sản là tự mâu thuẫn với bản thân mình và như vậy không phải là căn cứ để HĐXX không cho ông K ly hôn, mà giải thích cho bà Đ biết quan hệ tài sản là riêng biệt, không thể mặc cả để cho hoặc không cho ly hôn.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy hai cháu Phạm Minh Th, Phạm Minh T, hiện sống chung với bà Đ, cháu Th đang phụ giúp mẹ mua bán, cháu T được bà Đ cho đi học, tình cảm giữa hai cháu với bà Đ thật sự gắn bó, ý nguyện hai cháu là sau khi cha mẹ ly hôn xin tiếp tục sống cùng với bà Đ, để tạo điều kiện cho hai cháu T, Th phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên giao 02 chung cho bà Đ tiếp tục nuôi là phù hợp.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà Đ biết: Trong thời gian nuôi con, bà Đ cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Đ không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Giai đoạn hòa giải, bà Đ khai không có tài sản chung và không có nợ chung, nhưng tại phiên tòa bà khai có 02 nền đất và 6.000 con vịt do ông K quản lý. Xét đây là tình tiết mới phát sinh không thể khắc phục tại phiên tòa và cũng không thuộc trường hợp buộc phải giải quyết gắn liền với vụ án, nên không cần thiết phải ngừng phiên tòa, mà giải thích cho ông K – bà Đ biết sẽ tách giải quyết thành vụ kiện khác, khi một trong các bên có yêu cầu, nên HĐXX không đề cập ở phần quyết định.

[6] *Về án phí*: Ông K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn K.

*Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Văn K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

*Về quan hệ con chung*: Bà Đ được tiếp tục nuôi 02 con chung tên: 1/ Phạm Minh Th, sinh ngày 01/8/2009; 2/ Phạm Minh T, sinh ngày 13/6/2004.

Công nhận tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông Kim cấp dưỡng nuôi con.

Ba Diệp cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về án phí*: Ông Phạm Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003230 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*ông K nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/5/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

**Lê Văn Huệ**